

Số: 03/2021/QĐST-VDS

Thái Thụy, ngày 21 tháng 07 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thẩm phán ra Quyết định: Ông Trần Văn Tòng.
- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 05 tháng 07 năm 2021 về việc các bên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.
- Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 12/2021/TB-TA ngày 05 tháng 07 năm 2021 về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - Bà Vũ Thị G1, sinh năm 1955, Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình;
 - Ông Hoàng Duy K1, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn T3, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi làm việc: Hiệu ảnh H1 K1, thôn K2, xã S1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.
 - Anh Đặng Văn S2, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.
 - Anh Đặng Văn T3, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.
 - Chị Đặng Thị P1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ xxx, phường L1, thành phố T4, tỉnh Thái Bình.
 - Chị Đặng Thị H4, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn P1, xã V1, thành phố T4, tỉnh Thái Bình.
 - Người đại diện theo ủy quyền của bà G1, anh S2, anh T3, chị P1, chị H4 là chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận ngày 31-05- 2021).

XÉT THẤY:

Người yêu cầu là chị N1, ông K1 trình bày: Chị N2 là người đại diện theo ủy quyền của bà G1, anh S2, anh T3, chị P1, chị H4. Ngày 15- 02- 2016, ông Đặng Văn X1 cho ông K1 vay số tiền 100.000.000đồng, đã thỏa thuận: Tiền lãi 2.000đồng/1ngày/1.000.000đồng; thời gian trả gốc và lãi là 15 ngày, kể từ ngày

vay; mục đích vay là lấy vốn làm ăn. Đến ngày 01- 03- 2016, hai bên chốt tiền lãi 15 ngày là 3.000.000đồng. Do ông K1 chưa trả và còn vay thêm nên hai bên thỏa thuận mới: Số tiền lãi 3.000.000đồng được tính vào gốc và ông X1 cho ông K1 vay thêm 47.000.000đồng. Khi này ông K1 nợ ông X1 số tiền 150.000.000đồng, đã được ghi trong “*Biên bản vay tiền*” giữa hai bên. Do ông K1 không trả tiền nên ông X1 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông K1 trả số tiền 201.000.000đồng (Hai trăm lẻ một triệu đồng) gồm nợ gốc: 150.000.000 đồng, nợ lãi: 51.000.000đồng (số tiền lãi tính từ ngày 01-03-2016 đến ngày 31- 12- 2018). Đến ngày 08- 07- 2019, ông X1 và ông K1 thỏa thuận lại, đã lập “*Giấy vay tiền*” có nội dung: Ông K1 vay số tiền gốc 150.000.000đồng; trong hạn 3 năm ông K1 phải trả ông X1 hết nợ gốc; hai bên xác định khoản lãi của các năm như sau: Lãi của năm 2019: 30.000.000đồng; lãi của năm 2020: 60.000.000đồng; lãi của năm 2021: 60.000.000đồng. Vì vậy, ông X1 rút yêu cầu khởi kiện, ngày 09- 07- 2019, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 01- 11- 2020, ông X1 chết; sau đó, bà G1, anh S2, anh T3, chị P1, chị H4 đã khởi kiện yêu cầu ông K1 trả số tiền 201.000.000đồng (Hai trăm lẻ một triệu đồng) gồm nợ gốc: 150.000.000 đồng, nợ lãi: 51.000.000đồng. Bà G1, anh S2, anh T3, chị P1, chị H4 đều ủy quyền cho chị N2 (vợ anh T3) tham gia tố tụng. Chị N2, ông K1 đều xác định: Ông K1 đã trả 50.000.000đồng nợ gốc; còn nợ gốc: 100.000.000đồng.

Tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 07 năm 2021; chị N2 và ông K1 đều thống nhất các nội dung trên ; các bên đã thỏa thuận hòa giải thành toàn bộ và đều yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải ngoài Tòa án với các nội dung đã thỏa thuận sau:

1). Về nợ gốc: Ông Hoàng Duy K1 trả cho bà Vũ Thị G1, anh Đặng Văn T3, anh Đặng Văn S2, chị Đặng Thị P1, chị Đặng Thị H4 do chị Nguyễn Thị N2 làm đại diện số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) theo thời gian và số lượng như sau:

-Lần thứ nhất: Ngày 30- 08- 2021, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ hai: Ngày 30- 10- 2021, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ ba: Ngày 30- 12- 2021, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ tư: Ngày 28- 02- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ năm: Ngày 30- 04- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ sáu: Ngày 30- 06- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ bảy: Ngày 30- 08- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

-Lần thứ tám: Ngày 30- 10- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng

(Mười triệu đồng).

-Lần thứ chín: Ngày 30- 12- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ mười: Ngày 28- 02- 2023, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

2).Về nợ lãi: Chị N2, ông K1 đều xác định: Chị N2 không yêu cầu ông K1 trả tiền lãi.

Xét thấy: Các bên tham gia thỏa thuận, hòa giải đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải ; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Các bên đều yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải tại Tòa án. Việc thỏa thuận của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ các điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành được quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành và tài liệu kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 12/2021/TLST-VDS ngày 05 tháng 07 năm 2021, cụ thể như sau:

-Về thanh toán nợ gốc: Ông Hoàng Duy K1 phải trả tiền cho bà Vũ Thị G1, anh Đặng Văn T3, anh Đặng Văn S2, chị Đặng Thị P1, chị Đặng Thị H4 do chị Nguyễn Thị N2 làm đại diện số tiền nợ gốc 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng); được chia thành 10 lần theo số lượng và thời gian như sau:

-Lần thứ nhất: Ngày 30- 08- 2021, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ hai: Ngày 30- 10- 2021, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ ba: Ngày 30- 12- 2021, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ tư: Ngày 28- 02- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ năm: Ngày 30- 04- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ sáu: Ngày 30- 06- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ bảy: Ngày 30- 08- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ tám: Ngày 30- 10- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ chín: Ngày 30- 12- 2022, ông K1 phải trả 10.000.000đồng
(Mười triệu đồng).

-Lần thứ mười: Ngày 28- 02- 2023, ông K1 phải trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Về lãi: Chị N2 là người đại diện theo ủy quyền của bà G1, anh S2, anh T3, chị P1, chị H4 không yêu cầu ông K1 trả tiền lãi.

Điều 2. Về quyền yêu cầu, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

-Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 3: Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tòng